



ENERGY
TRANSITION
PARTNERSHIP



BÁO CÁO

BÁO CÁO TỔNG KẾT VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

THÁNG 12 - 2025

Thực hiện bởi:



TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng trên cơ sở phối hợp thực hiện giữa Viện Kinh tế Xã hội Việt Nam và Thế giới (VGSEI), LSE Consulting, Trung tâm Nghiên cứu Chính sách và Phát triển (DEPOCEN) và Công ty Tư vấn Đầu tư Năng lượng và Môi trường (E3).

Mặc dù nhóm tác giả đã nỗ lực tối đa nhằm bảo đảm tính chính xác và đầy đủ của các thông tin được trình bày, các tác giả và đơn vị đóng góp không đưa ra bất kỳ cam kết hay bảo đảm nào, dù rõ ràng hay ngụ ý, liên quan đến tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính đầy đủ của nội dung báo cáo. Nội dung báo cáo được xây dựng trên cơ sở dữ liệu, phân tích và các thông lệ tốt nhất hiện có tại thời điểm biên soạn, trong giai đoạn từ tháng 10 năm 2025 đến tháng 12 năm 2025.

Tuy nhiên, những diễn biến mới và sự thay đổi của bối cảnh trong tương lai có thể ảnh hưởng đến tính phù hợp hoặc hiệu lực của một số phát hiện và khuyến nghị nêu trong báo cáo. Các quan điểm và ý kiến được trình bày trong báo cáo là quan điểm của nhóm tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm, chính sách chính thức hoặc lập trường của Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Đông Nam Á (ETP)/UNOPS, Bộ Tài chính hoặc bất kỳ tổ chức nào khác được đề cập trong báo cáo. Các tác giả và đơn vị đóng góp không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất hay thiệt hại nào, dù trực tiếp, gián tiếp hay phát sinh, phát sinh từ việc sử dụng hoặc dựa trên các thông tin được trình bày trong báo cáo này.

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến Chương trình Đối tác Chuyển dịch Năng lượng Đông Nam Á (ETP)/UNOPS và Bộ Tài chính (MOF) vì sự hỗ trợ quý báu và xuyên suốt của họ trong quá trình thực hiện báo cáo.

Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến tất cả các bên liên quan, chuyên gia và những người đã đóng góp ý kiến và phản hồi giúp làm phong phú thêm báo cáo này. Đặc biệt, báo cáo này đã tích hợp những hiểu biết và thảo luận từ... hội thảo tư vấn các cuộc khảo sát thực địa được tiến hành tại Hà Nội, Long An, Quảng Ninh, Ninh Thuận, Quảng Bình và Cần Thơ.

TÓM TẮT NỘI DUNG

Khả năng đáp ứng nhu cầu an ninh năng lượng và thực hiện cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 của Việt Nam hiện phụ thuộc vào tốc độ huy động được lượng lớn vốn tư nhân một cách bền vững. Quy hoạch Điện VIII (PDP VIII) điều chỉnh ước tính rằng sản lượng điện và truyền tải sẽ cần khoảng 136,3 tỷ USD đầu tư trong giai đoạn 2026-2030, tương đương khoảng một phần ba GDP, trong đó 56% dành cho năng lượng bền vững. Các doanh nghiệp nhà nước và ngân sách nhà nước dự kiến chỉ đóng góp khoảng 31% tổng số này, để lại một khoảng thiếu hụt tài chính hơn 90 tỷ USD cần được bù đắp chủ yếu bởi các nhà đầu tư tư nhân và nước ngoài.

Nhận thức được thách thức này, ETP/UNOPS và Vụ Tài chính - Kinh tế Ngành thuộc Bộ Tài chính đã phối hợp khởi xướng sáng kiến chung “Thúc đẩy sự tiếp cận và tham gia của khu vực tư nhân vào lĩnh vực năng lượng của Việt Nam”. Chương trình này hỗ trợ việc triển khai Nghị quyết 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, với tầm nhìn đến năm 2045, cũng như chức năng, nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) nhằm đa dạng hóa mô hình đầu tư, tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân vào sản xuất điện và cơ sở hạ tầng lưới điện, đồng thời đẩy nhanh việc áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP) và các cơ chế tài chính đổi mới, như đã được nêu rõ hơn trong Nghị quyết 140/NQ-CP về kế hoạch thực hiện Nghị quyết 55-NQ/TW.

Báo cáo này là sản phẩm đầu ra cuối cùng của Chương trình. Trên cơ sở tổng hợp bảy sản phẩm trước đó, cùng với các hội thảo tham vấn chuyên sâu, khảo sát thực địa tại các tỉnh Long An, Quảng Ninh, Ninh Thuận, Cần Thơ và Quảng Trị, các cuộc làm việc song phương với các bộ, ngành và các khảo sát chuyên biệt đối với khu vực tư nhân với sự tham gia của 30 nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, báo cáo đã hệ thống hóa kinh nghiệm quốc tế và đưa ra một đánh giá chẩn đoán toàn diện về khuôn khổ chính sách, pháp lý và tài chính hiện hành của Việt Nam đối với việc huy động vốn tư nhân trong lĩnh vực năng lượng.

Báo cáo đề xuất một tổ hợp các cấu trúc tài chính, mô hình PPP và tài chính kết hợp, cùng với các khuyến nghị cải cách pháp lý phù hợp với Quy hoạch Điện VIII, Chiến lược Tăng trưởng Xanh Quốc gia, Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đồng thời, báo cáo xây dựng một gói giải pháp hành động có lộ trình, hướng tới việc hỗ trợ Bộ Tài chính tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân trong đầu tư năng lượng sạch và thúc đẩy các mục tiêu chuyển dịch năng lượng dài hạn của Việt Nam, với trọng tâm đặc biệt là hoàn thiện khuôn khổ PPP và mở rộng các cơ chế tài chính đổi mới thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính.

THÁCH THỨC VỀ TÀI CHÍNH VÀ NHỮNG HẠN CHẾ RÀNG BUỘC ĐỐI VỚI VỐN TƯ NHÂN TẠI VIỆT NAM

Trong hơn một thập kỷ qua, Việt Nam đã chuyển dịch từ mô hình đầu tư chủ yếu dựa vào khu vực nhà nước sang cấu trúc định hướng thị trường hơn, trong đó vốn tư nhân trong nước và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hiện chiếm khoảng 80–85% tổng vốn đầu tư cho công suất phát điện mới. Giai đoạn áp dụng cơ chế giá FIT từ năm 2017 đến năm 2021 cho thấy rằng khi các hợp đồng, cơ chế phân bổ rủi ro và mức độ chắc chắn về doanh thu đạt các chuẩn mực quốc tế, khu vực tư nhân có thể huy động và triển khai hơn 25 GW công suất năng lượng tái tạo mới chỉ trong vòng bốn năm. Sự suy giảm mạnh của đầu tư kể từ năm 2021 phản ánh các ràng buộc mang tính cấu trúc nhiều hơn là sự suy giảm nhu cầu hay mức độ quan tâm của nhà đầu tư.

Khoảng trống về cơ chế giá sau khi FIT hết hiệu lực, hệ thống quy định còn phân mảnh, các hợp đồng mua bán điện (PPA) kém tính khả thi về tài chính, mức độ chia sẻ rủi ro còn hạn chế và thị trường vốn trong nước còn nông hiện đang làm suy giảm tính ngân hàng của dự án, đặc biệt đối với các lĩnh vực lưới điện, lưu trữ năng lượng, điện gió ngoài khơi và các dự án năng lượng tái tạo quy mô lớn. Thực tế này càng đáng chú ý khi mô hình đối tác công tư (PPP) đã được xác định rõ trong Luật PPP năm 2020 (Luật số 64/2020/QH14), Nghị quyết số 55-NQ/TW và Quy hoạch Điện VIII như một cơ chế then chốt nhằm huy động đầu tư tư nhân và phát triển hạ tầng năng lượng thiết yếu phục vụ các mục tiêu chuyển dịch năng lượng dài hạn và tăng trưởng xanh của Việt Nam.

Tính đến nay, 19 dự án điện BOT với tổng công suất khoảng 27.000 MW chủ yếu được phát triển trước khi Luật PPP được ban hành, theo các cơ chế BOT/IPP trước đây và với cơ cấu đầu tư tập trung chủ yếu vào điện than. Trên cơ sở “điểm xuất phát” mang tính lịch sử này, chưa có dự án PPP năng lượng sạch mới nào được ký kết theo khuôn khổ Luật PPP hiện hành và toàn bộ các dự án đang triển khai đều mang tính chuyển tiếp. Danh mục các dự án BOT điện than kế thừa hiện đang chịu áp lực ngày càng lớn từ các chính sách khí hậu chặt chẽ hơn và các tiêu chuẩn ESG ngày càng khắt khe, làm gia tăng rủi ro tài sản mắc kẹt.

Trong khi đó, khuôn khổ PPP hiện nay vẫn chưa được điều chỉnh đầy đủ để phù hợp với đặc thù của năng lượng tái tạo, hiện đại hóa lưới điện và lưu trữ năng lượng, cũng như chưa được đồng bộ hoàn toàn với hệ sinh thái chuyển dịch năng lượng và tài chính xanh đang phát triển nhanh chóng. Những cải cách gần đây đã bước đầu cải thiện điều kiện nền tảng cho đầu tư, bao gồm Luật số 57/2024/QH15 (có hiệu lực từ ngày 15 tháng 1 năm 2025) sửa đổi, bổ sung một số quy định về quy hoạch, đầu tư, PPP và đấu thầu nhằm đơn giản hóa công tác chuẩn bị và lựa chọn dự án, và Luật số 90/2025/QH15 (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2025) tiếp tục cập nhật các quy định then chốt trong lĩnh vực đấu thầu và đầu tư nhằm giảm các vướng mắc trong quá trình triển khai.

Song song với đó, Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg (có hiệu lực từ ngày 22 tháng 8 năm 2025) đã cụ thể hóa Hệ thống phân loại xanh quốc gia của Việt Nam thông qua việc thiết lập các tiêu chí môi trường và quy trình xác minh để các dự án có thể tiếp cận tín dụng xanh và trái phiếu xanh. Nghị quyết số 70-NQ/TW (ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2025) tiếp tục củng cố định hướng ở cấp cao về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và cải cách ngành năng lượng theo lộ trình chuyển dịch năng lượng.

Báo cáo xác định ba nhóm yếu tố mang tính cấu trúc có mối liên hệ chặt chẽ, tiếp tục ảnh hưởng đến tính ngân hàng của dự án và khả năng huy động nguồn vốn tư nhân dài hạn. Thứ nhất, các thách thức về pháp lý, thể chế và hợp đồng phát sinh từ sự tương tác giữa các quy định của Luật PPP, Luật Điện lực, Luật Đầu tư, Luật Đất đai và Luật Bảo vệ môi trường, dẫn đến quy trình thủ tục phức tạp, sự chông chéo về trách nhiệm và những lĩnh vực mà thẩm quyền cũng như cơ chế quản lý rủi ro cần được làm rõ hơn. Các quy trình PPP hiện vẫn tương đối kéo dài, trong khi các cấu trúc PPA hiện hành còn thiếu mức độ chắc chắn cần thiết về nghĩa vụ mua điện theo cơ chế “take-or-pay”, bảo đảm thanh toán và cơ chế bồi thường, khiến nhà đầu tư có thể phải đối mặt với các rủi ro liên quan đến cắt giảm công suất và rủi ro đối tác...

BÀI HỌC QUỐC TẾ VÀ CÁC ƯU TIÊN CẢI CÁCH CHIẾN LƯỢC CHO BỘ TÀI CHÍNH

Trong bối cảnh đó, kinh nghiệm quốc tế mang lại những bài học rõ ràng. Các nền kinh tế mới nổi hàng đầu đã triển khai hàng chục gigawatt năng lượng tái tạo song song với nâng cấp hệ thống lưới điện đều dựa trên ba kênh hỗ trợ lẫn nhau: (i) các công cụ đầu tư tư nhân theo cơ chế thị trường như đấu thầu cạnh tranh và trái phiếu xanh; (ii) các cấu trúc tài trợ dự án truyền thống với sự tham gia của các tổ chức cho vay trong nước và quốc tế; và (iii) các mô hình PPP có mục tiêu dành cho hạ tầng chiến lược như truyền tải điện, lưu trữ quy mô lớn và kết nối lưới điện ngoài khơi. Tại Ấn Độ, Chile, Brazil, Nam Phi, Morocco, Indonesia và nhiều quốc gia khác, PPP đối với hạ tầng lưới điện trực chính và lưu trữ năng lượng đóng vai trò trung tâm chứ không mang tính hỗ trợ. Các mô hình này thường cung cấp cơ chế thanh toán theo mức độ sẵn sàng hoặc công suất, biểu giá được điều chỉnh theo chỉ số, các cơ chế bảo lãnh và chia sẻ rủi ro đáng tin cậy, cùng với một bên đối tác công có năng lực tín dụng cao. Sự kết hợp này đã giúp giảm chi phí vốn từ 150 đến 300 điểm cơ bản và kéo dài kỳ hạn tài trợ lên 20–30 năm. Phần lớn trái phiếu xanh và các khoản vay gắn với bền vững tại các thị trường mới nổi phát hành từ năm 2023 đến nay đều được phân bổ cho các dự án có cấu trúc doanh thu tương tự PPP, qua đó khẳng định rằng dòng tài chính khí hậu thường đi theo các tín hiệu PPP có độ tin cậy cao.

Báo cáo kết luận rằng Việt Nam đang từng bước dịch chuyển theo mô hình kết hợp này. Cơ chế đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2020¹ cung cấp một lộ trình nhanh và linh hoạt cho các dự án phát điện. Những sửa đổi gần đây đối với khuôn khổ PPP, bao gồm việc nâng trần vốn nhà nước đối với các dự án chiến lược, áp dụng cơ chế thanh toán theo mức độ sẵn sàng và mở rộng không gian cho các đề xuất dự án do nhà đầu tư khởi xướng, đã tạo nền tảng cho việc triển khai PPP trong lĩnh vực truyền tải điện, lưu trữ năng lượng và điện gió ngoài khơi. Vấn đề then chốt trong giai đoạn năm năm tới là liệu các trụ cột PPP và tài chính xanh có thể được thiết kế đủ mức độ ổn định, dự đoán được và đáp ứng chuẩn mực tài trợ quốc tế trong thời gian đủ nhanh để huy động lượng vốn tư nhân cần thiết trước năm 2030 hay không.

Trên cơ sở đó, báo cáo đề xuất một gói cải cách tổng thể, nhất quán và bảo đảm kỷ luật tài khóa, được xây dựng xoay quanh bốn trụ cột trọng tâm, trong đó Bộ Tài chính giữ vai trò dẫn dắt.

Trụ cột 1 – Hiện đại hóa khuôn khổ PPP và phân bổ rủi ro

Trụ cột này tập trung vào việc hài hòa Luật PPP với Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực và Luật Đất đai; sửa đổi Nghị định số 28/2021/NĐ-CP về cơ chế quản lý tài chính đối với các dự án PPP nhằm phản ánh trần vốn nhà nước mới lên tới 70% đối với các dự án chiến lược có mức độ rủi ro cao; mở rộng phạm vi Điều 82 để cơ chế chia sẻ rủi ro doanh thu bao phủ các rủi ro thị trường xác định trước như cắt giảm công suất và biến động nhu cầu; nâng hạn mức bảo lãnh ngoại tệ đối với các dự án PPP năng lượng sạch ưu tiên; thí điểm các mô hình BLT và DBLT áp dụng cơ chế thanh toán theo mức độ sẵn sàng cho các dự án truyền tải điện; đồng thời xây dựng các mẫu hợp đồng PPP theo lĩnh vực chuyên biệt cho điện gió ngoài khơi, hệ thống lưu trữ năng lượng bằng pin (BESS) và các dự án lưới điện.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy đầu tư vào hệ thống truyền tải và lưu trữ thông qua hình thức hợp tác công tư và tài chính hỗn hợp

Trụ cột thứ hai tập trung vào việc thúc đẩy đầu tư vào hạ tầng truyền tải và lưu trữ năng lượng thông qua các giải pháp PPP và tài chính kết hợp, bảo đảm phù hợp với các ràng buộc về bền vững tài khóa. Báo cáo khuyến nghị Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công Thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam xây dựng các cơ chế thanh toán theo mức độ sẵn sàng cho các đường dây và trạm biến áp 220–500 kV; phát triển các khung thù lao phản ánh đầy đủ chi phí đối với BESS và thủy điện tích năng, trong đó tách bạch rõ phần công suất cố định và phần vận hành; đồng thời xem xét các cơ chế hỗ trợ tập trung cho công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án lưới điện trọng điểm quốc gia. Các dự án PPP truyền tải và lưu trữ giai đoạn đầu cần

¹Quốc hội đã thông qua các sửa đổi đối với Luật Đầu tư vào ngày 11 tháng 12 năm 2025. Các sửa đổi này sẽ tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục đầu tư, làm rõ cách xử lý các lĩnh vực chiến lược và ưu tiên, tăng cường phối hợp với luật đấu thầu, và dự kiến sẽ cải thiện tính chắc chắn về mặt pháp lý cho các dự án cơ sở hạ tầng quy mô lớn.

kết hợp vốn nhà nước với các nguồn vốn ưu đãi và tài chính khí hậu nhằm giảm chi phí vốn tổng thể và hình thành các mô hình có thể nhân rộng.

Trụ cột 3 – Xây dựng hệ sinh thái tài chính xanh đáng tin cậy dựa trên hệ thống phân loại xanh quốc gia định lượng

Trụ cột thứ ba tập trung vào việc xây dựng một hệ sinh thái tài chính xanh có độ tin cậy cao, lấy Hệ thống phân loại xanh quốc gia định lượng làm nền tảng. Báo cáo đề xuất Bộ Tài chính, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan, chuyển từ các tiêu chí sàng lọc mang tính định tính sang các tiêu chí định lượng phù hợp với các chuẩn mực quốc tế; tích hợp các tiêu chí của phân loại xanh vào khuôn khổ phát hành trái phiếu xanh của Chính phủ, chính quyền địa phương và doanh nghiệp; đồng thời tăng cường các yêu cầu về xác minh độc lập, báo cáo tác động và công bố thông tin. Các ưu đãi thuế và giảm phí có mục tiêu đối với các công cụ tài chính xanh phù hợp với phân loại xanh, kết hợp với các cơ chế tăng cường tín dụng, có thể giúp làm sâu sắc thị trường vốn xanh trong nước, kéo dài kỳ hạn tài trợ lên 10–20 năm và hỗ trợ quá trình chuyển dịch khỏi mô hình tài trợ ngân hàng ngắn hạn. Song song với đó, Bộ Tài chính cần hoàn thiện các khuôn khổ bảo lãnh và cho vay lại của Chính phủ, mở rộng có chọn lọc cơ chế hỗ trợ khả thi tài chính (viability gap funding) và hỗ trợ phát triển các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá cũng như cơ chế bồi thường cắt giảm công suất nhằm chuyển các rủi ro kỹ thuật thành các rủi ro tài chính có thể quản lý được.

Trụ cột 4 – Phối hợp thể chế, năng lực và dữ liệu

Trụ cột thứ tư tập trung vào điều phối thể chế, nâng cao năng lực và hoàn thiện hệ thống dữ liệu. Với vai trò là cơ quan chịu trách nhiệm về tài chính công, thị trường vốn, bảo lãnh và quy định tài chính đối với PPP, Bộ Tài chính có vị thế phù hợp để đóng vai trò kiến trúc sư trung tâm của khuôn khổ tài chính cho chuyển dịch năng lượng. Báo cáo khuyến nghị tăng cường năng lực nội bộ của Bộ Tài chính trong lĩnh vực PPP và tài chính xanh; nâng cao cơ chế phối hợp với Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước và chính quyền địa phương thông qua các nhóm công tác thường trực; đồng thời nâng cấp các hệ thống như Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để tích hợp các mô-đun PPP cho phép theo dõi theo thời gian thực danh mục dự án, mức độ phơi nhiễm rủi ro và các cam kết tài khóa. Việc cải thiện dữ liệu về các dự án được phân loại xanh, các khoản bảo lãnh và nghĩa vụ tiềm ẩn, kết hợp với việc công bố rõ ràng chiến lược tài khóa và huy động vốn xanh trung hạn, sẽ giúp củng cố kỳ vọng của nhà đầu tư và đánh giá của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm.

LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI THEO TỪNG GIAI ĐOẠN

Các định hướng cải cách nêu trên được cụ thể hóa thành một lộ trình triển khai theo từng giai đoạn. Trong ngắn hạn, các ưu tiên tập trung vào việc sửa đổi Nghị định số 28/2021/NĐ-CP và các nghị định PPP liên quan (bao gồm Nghị định số 35/2021/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2025/NĐ-CP); ban hành các mẫu hợp đồng cho năng lượng tái tạo và truyền tải điện; xây dựng khung giá cho BESS và thủy điện tích năng; và định lượng các tiêu

chí của Hệ thống phân loại xanh. Trong trung hạn, các cải cách sẽ mở rộng cơ chế chia sẻ rủi ro doanh thu sang các rủi ro thị trường, tăng cường bảo vệ rủi ro tỷ giá, triển khai các dự án PPP truyền tải thí điểm, áp dụng các ưu đãi thuế và công cụ tăng cường tín dụng cho trái phiếu xanh và chuẩn hóa các chỉ tiêu tài chính như IRR, NPV và tỷ suất lợi ích – chi phí trong công tác thẩm định dự án. Về dài hạn, mục tiêu là hình thành một thị trường điện cạnh tranh và trưởng thành, trong đó PPP và các công cụ tài chính xanh đóng vai trò trụ cột, huy động hiệu quả sự kết hợp đa dạng giữa vốn nhà nước, vốn tư nhân và vốn kết hợp, đồng thời giảm dần sự phụ thuộc vào bảo lãnh trực tiếp của Chính phủ nhưng vẫn bảo đảm kỷ luật tài khóa.

Báo cáo kết thúc bằng việc nhấn mạnh các lĩnh vực cần tiếp tục nghiên cứu định lượng nhằm hỗ trợ thiết kế chính sách chi tiết, bao gồm mô hình hóa rủi ro tỷ giá và sự không tương thích kỳ hạn, thiết kế cơ chế bồi thường cắt giảm công suất, xác định các ngưỡng định lượng cho Hệ thống phân loại xanh và đánh giá tác động tài khóa của các cấu trúc PPP và BLT trong lĩnh vực truyền tải và lưu trữ. Việc triển khai kịp thời và có kỷ luật các giải pháp được đề xuất sẽ giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu về công suất và năng lượng tái tạo theo Quy hoạch Điện VIII, duy trì nguồn điện tin cậy với chi phí hợp lý phục vụ tăng trưởng chất lượng cao và củng cố vị thế là quốc gia dẫn đầu khu vực trong thu hút đầu tư năng lượng sạch.

Đối với Bộ Tài chính, chương trình nghị sự được trình bày trong báo cáo này cung cấp một lộ trình thực tiễn nhằm sử dụng nguồn lực công một cách chiến lược hơn, quản lý rủi ro một cách minh bạch và giải phóng nguồn vốn tư nhân cần thiết để thúc đẩy quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng và bền vững.

Hướng tới giai đoạn tiếp theo, báo cáo được kỳ vọng sẽ đóng vai trò là tài liệu tham chiếu thực tiễn cho quá trình triển khai, hỗ trợ chuyển hóa các cải cách pháp lý và cam kết chính sách gần đây thành một danh mục dự án có khả năng huy động vốn. Các kết quả của báo cáo có thể phục vụ việc ưu tiên và sắp xếp thứ tự triển khai các dự án PPP thí điểm trong lĩnh vực truyền tải, lưu trữ và điện gió ngoài khơi; thiết kế các cơ chế chia sẻ rủi ro và thanh toán thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính; cũng như tích hợp các công cụ tài chính xanh vào các chiến lược tài khóa và thị trường vốn trung hạn. Khi Việt Nam tiến tới các mốc mục tiêu năm 2030 của Quy hoạch Điện VIII, việc tiếp tục nghiên cứu phân tích, triển khai các dự án PPP hạ tầng năng lượng sạch, tăng cường phối hợp liên ngành và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật có trọng tâm sẽ đóng vai trò then chốt trong việc hiện thực hóa các khuyến nghị, củng cố niềm tin của nhà đầu tư và từng bước mở rộng huy động vốn tư nhân phục vụ các mục tiêu chuyển dịch năng lượng dài hạn và cam kết phát thải ròng bằng không của quốc gia.

